

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1560/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giữ: C
	Ngày: 24.7.2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;

Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Tờ trình số 90/TTr-NHNN ngày 19 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

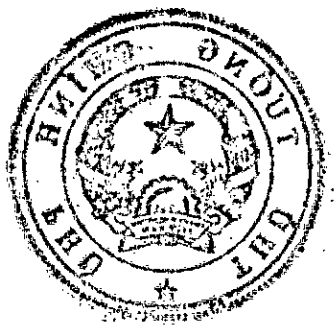
Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

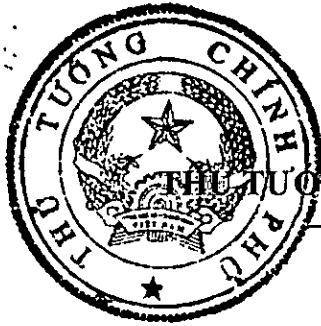
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). M.Cường 65



Phạm Minh Chính





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024
của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng
chính sách xã hội trong giai đoạn mới**
(Kèm theo Quyết định số 1560/QĐ-TTg
ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 và triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bền vững, ưu tiên tập trung nguồn lực cho Ngân hàng Chính sách xã hội để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu sắc nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội. Qua đó, khẳng định tín dụng chính sách xã hội là một giải pháp sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc, góp phần quan trọng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; thể hiện quan điểm của Đảng về phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm, phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

b) Xác định rõ nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

c) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nghiên cứu tập trung, bố trí nguồn vốn, đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho tín dụng chính sách xã hội, tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương và chính quyền địa phương tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới đến toàn thể đảng viên, cán bộ, viên chức và người lao động, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội để nâng cao nhận thức, nắm vững tinh thần, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội.

2. Nâng cao vai trò của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội

Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp cần phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia công tác tín dụng chính sách xã hội trong việc:

a) Tuyên truyền, giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội.

b) Xây dựng, triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất, kinh doanh giỏi, sử dụng vốn vay hiệu quả.

c) Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nội dung công việc Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện trong quy trình cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

d) Đẩy mạnh vận động đóng góp vào Quỹ “Vì người nghèo” để bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt, giám sát việc điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng khác thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

3. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bền vững

Các bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, trong đó nghiên cứu triển khai các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách:

a) Rà soát, đánh giá hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách hiện hành; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, quy mô, địa bàn, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển, đặc điểm của từng vùng, miền, chu kỳ sản xuất, kinh doanh; chú trọng cung cấp tín dụng chính sách xã hội cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, học sinh, sinh viên nghèo và các trường hợp khẩn cấp khác... thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Mức ưu đãi được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế lồng ghép tín dụng chính sách xã hội với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, chính sách an sinh - xã hội; tăng cường chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các hoạt động sản xuất theo chuỗi, liên kết hợp tác nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Nghiên cứu tiêu chí phân loại và quy trình xác định đối tượng, địa bàn nghèo, vùng khó khăn, đối tượng có thu nhập trung bình, ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở để nghiên cứu, xây dựng, ban hành các chính sách tín dụng ưu đãi.

4. Ưu tiên tập trung nguồn lực, đa dạng hóa các kênh huy động vốn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, bảo đảm nguồn vốn hoạt động cho Ngân hàng Chính sách xã hội

Các bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội:

a) Đối với các bộ, ngành:

- Tiếp tục tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước vào Ngân hàng Chính sách xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí cho Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 30% tổng nguồn vốn.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền nâng hạn mức trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Phần đầu đến năm 2030 nguồn vốn này chiếm 30% tổng nguồn vốn.

- Bố trí đủ và kịp thời nguồn vốn hoạt động trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội được tiếp nhận nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ.

- Tiếp tục quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.

b) Đối với chính quyền địa phương các cấp:

- Tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Phần đầu hàng năm chiếm khoảng 15 - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội và đến năm 2030 chiếm 15% tổng nguồn vốn.

- Căn cứ đặc điểm tình hình và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai các đề án, chương trình tín dụng phù hợp cho các dự án, đối tượng được địa phương phê duyệt.

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

- Đẩy mạnh việc gắn kết tín dụng chính sách xã hội với các hoạt động hỗ trợ chuyển giao khoa học và công nghệ, các chương trình khuyến nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, đào tạo nghề, các mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.

- Triển khai giải pháp, chính sách khuyến khích các hoạt động sản xuất theo chuỗi, liên kết hợp tác, trong đó có sự tham gia của người nghèo và đối tượng chính sách, nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách.

5. Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội là định chế tài chính công, có khả năng tự chủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước, tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần

a) Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế quản trị, cơ chế tạo lập nguồn vốn, cơ chế tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng ổn định, bền vững. Hoàn thiện quy chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ bị rủi ro bảo đảm an toàn nợ, phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương, thu nhập để thu hút và ổn định nguồn nhân lực của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 và các nhiệm vụ giải pháp sau:

- Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc theo dõi, giám sát, đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ trong hoạt động tín dụng. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực hệ thống kiểm tra, giám sát, năng lực dự báo, phân tích; nâng cao khả năng cảnh báo sớm đối với những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tăng cường huy động vốn từ tiền gửi, tiền vay, tiền tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nghiên cứu, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế để huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, uy tín, phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, tận tâm, tận tụy phục vụ người dân.

- Đơn giản hóa trình tự, thủ tục vay vốn, phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp, hiện đại hóa công tác quản trị điều hành. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền tảng ngân hàng số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách, bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật, chú trọng thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành để cập nhật và quản lý đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội.

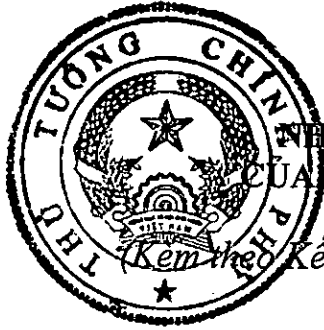
6. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích mạnh mẽ mô hình tín dụng chính sách, nhất là sự tham gia của cộng đồng, các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp không vì mục tiêu lợi nhuận; khuyến khích phát triển các nền tảng số cho tín dụng chính sách để phục vụ tốt hơn cho đối tượng chính sách.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch này, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, hoàn thành trong tháng 7 năm 2025. Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch trước ngày 10 tháng 10 và gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp; báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc có vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc đôn đốc, kiểm tra tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện của các bộ, ngành, địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



Phụ lục

**NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 39-CT/TW NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2024
CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA TÍN DỤNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1.	Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội				
1.1	Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.	Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Văn bản/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên
1.2	Xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Chương trình hành động/Kế hoạch triển khai	Tháng 7/2025
2	Nâng cao vai trò của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội				
2.1	Phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện tốt: Công tác tuyên truyền, giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội; xây dựng, triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất, kinh doanh giỏi, sử dụng vốn vay hiệu quả; thực hiện đầy đủ và hiệu quả các công việc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) ủy thác.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội	Văn bản thỏa thuận/Chương trình phối hợp	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
2.2	Phối hợp tổ chức triển khai, mở rộng cuộc vận động vì người nghèo nhằm bổ sung nguồn vốn cho NHCSXH thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội.	Các bộ, ngành có liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội	Phong trào thi đua	Thường xuyên
2.3	Chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt, giám sát việc điều tra, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng khác thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay; phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội	Văn bản triển khai; Kế hoạch/biên bản kiểm tra, giám sát	Thường xuyên
3	Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội theo hướng bao trùm, bền vững				
3.1	Rà soát, đánh giá hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách hiện hành.	Các bộ, ngành quản lý chương trình	NHCSXH	Tờ trình/Báo cáo	Thường xuyên
3.2	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội theo hướng mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển, đặc điểm của từng vùng, miền, chu kỳ sản xuất, kinh doanh; chú trọng cung cấp tín dụng chính sách xã hội cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, học sinh, sinh viên nghèo và các trường hợp khẩn cấp khác... Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; các đối tượng chính sách khác. Mức ưu đãi được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.	Các bộ, ngành	NHCSXH	Văn bản quy phạm pháp luật	Theo nhiệm vụ được phân công

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
3.3	Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế lồng ghép tín dụng chính sách xã hội với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, chính sách an sinh - xã hội; tăng cường chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các hoạt động sản xuất theo chuỗi, liên kết hợp tác nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho người nghèo.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	NHCSXH	Tờ trình, Báo cáo	Thường xuyên
3.4	Nghiên cứu tiêu chí phân loại và quy trình xác định đối tượng, địa bàn nghèo, vùng khó khăn, đối tượng có thu nhập trung bình, ban hành chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở để nghiên cứu, xây dựng, ban hành các chính sách tín dụng ưu đãi.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành	Văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2025
3.5	Nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về tín dụng chính sách xã hội của Nhà nước (thay thế hoặc bổ sung, sửa đổi Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác).	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, NHCSXH	Văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2025 - 2026
4	Ưu tiên tập trung nguồn lực, đa dạng hóa các kênh huy động vốn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, bảo đảm nguồn vốn hoạt động cho Ngân hàng Chính sách xã hội				
4.1	Tiếp tục tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước vào Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Tài chính	Bộ, ngành liên quan, NHCSXH	Nghị quyết của Chính phủ/ Quyết định/ Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Thường xuyên
4.2	Báo cáo cấp có thẩm quyền nâng hạn mức trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Tài chính	Bộ, ngành liên quan, NHCSXH	Tờ trình, Báo cáo cấp thẩm quyền	Quý III/2025
4.3	Bổ trí đủ và kịp thời nguồn vốn hoạt động trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Tài chính	Bộ, ngành liên quan, NHCSXH	Nghị quyết của Chính phủ/ Quyết định/ Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm và giai đoạn

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4.4	Tiếp tục quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)	Các tổ chức tín dụng nhà nước, NHCSXH	Văn bản	Thường xuyên
4.5	Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho NHCSXH được tiếp nhận nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ.	Bộ Tài chính			Thường xuyên
4.6	Tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Quyết định, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, thành phố	Thường xuyên
4.7	Căn cứ đặc điểm tình hình và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đặc thù tại địa phương cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai các đề án chương trình tín dụng phù hợp cho các dự án, đối tượng được địa phương phê duyệt.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	NHCSXH	Văn bản/Đề án	Thường xuyên
4.8	Hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn các địa phương.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Quyết định, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, thành phố	Thường xuyên
4.9	Đẩy mạnh việc gắn kết chính sách tín dụng chính sách xã hội với các hoạt động hỗ trợ chuyển giao khoa học và công nghệ, các chương trình khuyến nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, đào tạo nghề, các mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Quyết định, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, thành phố	Thường xuyên
4.10	Triển khai giải pháp, chính sách khuyến khích các hoạt động sản xuất theo chuỗi, liên kết hợp tác, trong đó có sự tham gia của người nghèo và đối tượng chính sách, nhằm thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	NHCSXH	Giải pháp/ chính sách	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
5	Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội là định chế tài chính công, có khả năng tự chủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước, tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần				
5.1	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế quản trị tại Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng tiếp tục duy trì mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan, NHCSXH	Nghị định của Chính phủ	Năm 2025 - 2026
5.2	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Các bộ, ngành chủ quản các chương trình tín dụng tại NHCSXH, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Báo cáo	Theo kế hoạch của các cơ quan
5.3	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tài chính của NHCSXH tại Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với NHCSXH phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, NHCSXH	Nghị định của Chính phủ	Năm 2025 - 2026
5.4	Hoàn thiện quy chế phân loại nợ phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.	NHNN	Các bộ, ngành, NHCSXH	Tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền/Văn bản theo thẩm quyền	Thực hiện sau khi Nghị định của Chính phủ quy định giao NHNN
5.5	Hoàn thiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro bảo đảm an toàn nợ, phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, NHCSXH	Văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2026 - 2027
5.6	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương, thu nhập để thu hút và ổn định nguồn nhân lực của Ngân hàng Chính sách xã hội.	Bộ Nội vụ	Bộ Tài chính, NHCSXH	Văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2025 - 2026
5.7	Xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc theo dõi, giám sát, đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ trong hoạt động tín dụng. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực hệ thống kiểm tra, giám sát, năng lực dự	NHCSXH	UBND các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội	Văn bản	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	SẢN PHẨM	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	báo, phân tích; nâng cao khả năng cảnh báo sớm đối với những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.				
5.8	Tăng cường huy động vốn từ tiền gửi, tiền vay, tiền tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cơ chế để huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước.	NHCSXH			Thường xuyên
5.9	Xây dựng đội ngũ cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, uy tín, phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, tận tâm, tận tụy phục vụ người dân.	NHCSXH			Thường xuyên
5.10	Đơn giản hóa trình tự, thủ tục vay vốn, phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp, hiện đại hóa công tác quản trị điều hành. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền tảng ngân hàng số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách, bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật, chú trọng thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành để cập nhật và quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội.	NHCSXH			Thường xuyên
6.	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích mạnh mẽ mô hình tín dụng chính sách, nhất là sự tham gia của cộng đồng, các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp không vì mục tiêu lợi nhuận; khuyến khích phát triển các nền tảng số cho tín dụng chính sách.	Các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương, NHCSXH		Tờ trình, Báo cáo	Thường xuyên
	Chế độ báo cáo: Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch trước ngày 10 tháng 10; báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc có vướng mắc trong quá trình thực hiện; đồng thời gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, NHCSXH		Báo cáo	Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/10)